

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: 117/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 31/7/2023

V/v ly hôn giữa chị T và anh E

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Lem

Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đình Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Duyên Em – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 239/2023/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 207/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1985.

Hộ khẩu thường trú: ấp L, xã H, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Nơi đang cư trú: ấp A, xã H, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Thành E, sinh năm 1981.

Nơi cư trú: ấp L, xã H, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Chị T và anh E vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các biên bản làm việc trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn Thành E tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre ngày 23/7/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu,

sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị có bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi, không có tiếng nói chung; anh E không chăm lo cho gia đình và các con, thường nghi ngờ cho rằng chị có tình cảm với người khác và ghen tuông. Từ năm 2021 đến nay, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, anh chị đã nhiều lần tìm phương án để hàn gắn tình cảm nhưng vợ chồng chung sống hòa thuận chỉ được một thời gian ngắn thì tiếp tục phát sinh mâu thuẫn. Từ tháng 3/2023, chị và hai con đã về sinh sống tại nhà mẹ ruột tại ấp A, xã H, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre và vợ chồng ly thân cho đến nay. Nay chị xác định chị không còn tình cảm với anh E, vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh E.

Chị và anh E đều có công việc và thu nhập ổn định nên không yêu cầu xem xét đến việc cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Chị và anh E có 02 con chung là Nguyễn Tường V, sinh ngày 08 tháng 4 năm 2013 và Nguyễn Thảo V, sinh ngày 16 tháng 9 năm 2015; 02 con chung đang sống cùng chị. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con, chị không yêu cầu anh E cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị và anh E tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Chị và anh E không có nợ chung.

Theo các lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn anh Nguyễn Văn Thành E trình bày:

Về hôn nhân: Anh thừa nhận thời gian anh và chị T kết hôn và thời gian xảy ra mâu thuẫn như chị T trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến tháng 4/2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm nên vợ chồng không có tiếng nói chung. Anh có nghi ngờ chị T có tình cảm với người khác nên anh có ghen và lời qua tiếng lại với chị T. Tuy nhiên, hành động này xuất phát từ việc anh thương vợ. Từ tháng 3/2023, chị T cùng hai con về nhà mẹ ruột của chị T sinh sống cho đến nay. Thời gian này, vì không có tiếng nói chung nên không thể ngồi lại giải quyết mâu thuẫn. Nếu chị T không còn thương anh thì anh cũng đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, hiện nay hai con còn quá nhỏ, anh thương và mong muốn các con có cuộc sống đầy đủ cha mẹ, đảm bảo sự phát triển tâm lý bình thường của các con nên anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

Về con chung: Anh và chị T có 02 con chung là Nguyễn Tường V, sinh ngày 08 tháng 4 năm 2013 và Nguyễn Thảo V, sinh ngày 16 tháng 9 năm 2015; 02 con chung đang sống cùng chị T. Nếu Tòa án giải quyết chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T, anh yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi hai con, tự nguyện không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, chị T đang sống nhờ bên nhà mẹ ruột, chỗ ở không ổn định lâu dài và xa trường học của các con nên không thuận tiện cho sinh hoạt thường ngày. Bên cạnh đó, chị T có công việc thường xuyên vắng nhà, nhà

ngoại thường tổ chức nhậu nên tôi không đồng ý để chị T trực tiếp nuôi con. Trường hợp Tòa án giải quyết giao mỗi người nuôi một con chung anh cũng không đồng ý vì anh muốn hai con sống cùng nhau để tình cảm chị em gắn kết.

Về tài sản chung: Anh và chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Anh và chị T không có nợ chung.

Tại phiên tòa sơ thẩm Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu ý kiến: Về tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký và nguyên đơn đã tuân thủ theo quy định của pháp luật, riêng bị đơn không tuân thủ theo quy định của pháp luật. Về nội dung: Chị T và anh E thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng tồn tại đã nhiều năm. Từ năm 2021 đến nay, anh chị đưa ra nhiều phương án hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không có kết quả và từ tháng 3/2023 đến nay vợ chồng đã sống ly thân; điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh E đã trầm trọng, hôn nhân có kéo dài cũng không hạnh phúc nên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T. Về con chung, chị T và anh E có 02 con chung là Nguyễn Tường V, sinh ngày 08 tháng 4 năm 2013 và Nguyễn Thảo V, sinh ngày 16 tháng 9 năm 2015. Chị T và anh E cùng yêu cầu được nuôi con chung; tuy nhiên từ khi ly thân đến nay thì chị T là người trực tiếp nuôi 02 con chung; 02 cháu Tường V và Thảo V cũng có nguyện vọng sống cùng chị T. Do đó, để không làm xáo trộn cuộc sống hiện nay của 02 cháu, đề nghị Tòa án giao quyền nuôi 02 con chung cho chị T; chị T không yêu cầu anh E cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận. Về tài sản chung chị T và anh E tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết và cùng khai không có nợ chung nên đề nghị Tòa án ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Nguyễn Văn Thành E là tranh chấp về ly hôn, về nuôi con chung. Bị đơn anh E đang cư trú tại xã H, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh E vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2; chị T có đơn xin vắng mặt. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh E.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Nguyễn Văn Thành E kết hôn vào năm 2013, hôn nhân do anh chị tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre ngày 23/7/2023 (số 68) nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh E ghen tuông vô cớ. Từ nguyên nhân này mà vợ chồng thường

xuyên gây gỗ và không tìm được tiếng nói chung. Mâu thuẫn kéo dài đã nhiều năm nay, chị Trang và anh Thành Em cũng đã nhiều lần bàn bạc và cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không có kết quả và từ tháng 3/2023 đến nay anh chị đã sống ly thân. Đến nay, chị T xác định quan hệ hôn nhân giữa chị và anh E không thể kéo dài nên cương quyết xin ly hôn; anh E không đồng ý ly hôn với lý do con còn nhỏ chứ anh cũng không có phương án hàn gắn tình vợ chồng; anh E cũng không đến tham gia phiên tòa; điều đó cho thấy, anh E không có thiện chí mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Từ đó có cơ sở để xác định, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh E đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì tình trạng này sẽ ảnh hưởng đến đời sống bình thường của các thành viên trong gia đình nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[3] Về con chung: Chị T và anh E khai anh chị có 02 con chung là Nguyễn Tường V, sinh ngày 08 tháng 4 năm 2013 và Nguyễn Thảo V, sinh ngày 16 tháng 9 năm 2015. Chị T và anh E cùng yêu cầu được nuôi con chung. Anh E yêu cầu nuôi con với lý do chị T đang sống cùng mẹ ruột nên chỗ ở không ổn định. Thế nhưng, tại biên bản xác minh ngày 28/6/2023 của Tòa án thì bà Phạm Thị T là mẹ ruột của chị T xác định bà đang sống một mình nên bà thống nhất với việc chị T cùng 02 cháu Thảo V và Tường V về đây sống cùng bà; điều đó cho thấy, hiện tại chị T không gặp khó khăn về nơi ở. Đồng thời, từ khi ly thân đến nay thì chị T là người trực tiếp nuôi 02 con chung; anh E cũng không gặp khó khăn trong việc đến thăm và chăm sóc con chung. Hơn nữa, 02 cháu Tường V và Thảo V cũng có nguyện vọng sống cùng chị T. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung và không làm xáo trộn cuộc sống hiện nay của 02 con, Hội đồng xét xử giao cho chị T được quyền nuôi 02 con chung là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị T. Chị T không yêu cầu anh E cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: Chị T và anh E tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận. Về nợ chung: Chị T và anh E cùng khai là không có nên Tòa án không xem xét.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng.

[6] Từ những nhận định nêu trên, xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Hồng T ly hôn với anh Nguyễn Văn E.
2. Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Tường V, sinh ngày 08 tháng 4 năm 2013 và Nguyễn Thảo V, sinh ngày 16 tháng 9 năm 2015 cho chị Trang trực tiếp nuôi dưỡng; ghi nhận việc chị T không yêu cầu anh E cấp dưỡng nuôi con.

Anh E có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị T và anh E tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận. Về nợ chung: Chị T và anh E cùng khai là không có nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003512 ngày 12/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Đương sự đã nộp đủ án phí.

Chị T và anh E vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- Phòng GDKT TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã H, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Ngọc Huyền